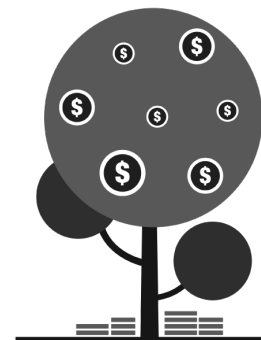
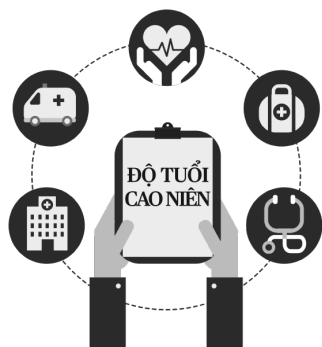


Tài liệu minh họa chương trình Bảo hiểm Nhân thọ

Kế hoạch Tài chính Trọn đời – Quyền lợi Cao niên Toàn diện – Lựa chọn B

Kế hoạch Tài chính Trọn đời – Quyền lợi Cao niên Toàn diện là chương trình bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết chung được thiết kế để Quý khách chủ động xác định nhu cầu bảo hiểm và phí bảo hiểm.



Bên mua Bảo hiểm (BMBH) : NGUYỄN VĂN B

Tuổi : 60

Giới tính : NAM

Tài liệu soạn thảo và trình bày bởi Đại diện Kinh doanh (ĐDKD) :

Điện thoại liên lạc :

Mã số ĐDKD :

Văn phòng ĐDKD :

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CHUBB VIỆT NAM (“Chubb Life”) hoạt động kinh doanh Bảo hiểm Nhân thọ và Bảo hiểm Sức khỏe theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 33GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 04/05/2005 và các giấy phép điều chỉnh. Vốn điều lệ hơn 1.384 tỷ đồng.

Trụ sở chính: Tầng 21 Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.

☎ (84-28) 3827 8989

🎧 *8123 hoặc (84-28) 3827 8123

📠 (84-28) 3821 9000

✉ chubblife.vietnam@chubb.com

🏠 <http://life.chubb.com/vn>

I. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM (NDBH)

Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi	Nhóm nghề nghiệp
NGUYỄN VĂN B	NAM	01/01/1959	60	2

II. THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM THAM GIA

Tên Sản phẩm	Điều kiện BH	Mệnh giá Sản phẩm (đồng)	Tuổi của NDBH khi đáo hạn	Phí BH cơ bản (đồng) (*)
Kế hoạch Tài chính Trọn đời – Quyền lợi Cao niên Toàn diện Lựa chọn B	S/S	500.000.000	99	34.936.000

Phí BH cơ bản (*):	34.936.000 đồng
Phí BH đóng năm đầu (dự kiến):	35.000.000 đồng
Phí BH đóng theo kỳ (dự kiến):	35.000.000 đồng
Thời gian đóng phí (dự kiến):	15 năm

Định kỳ đóng phí: Năm

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ

Lưu ý cho phần minh họa về phí bảo hiểm, phân bổ phí bảo hiểm, Quyền lợi Bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư:

- Mục đích của phần minh họa về phân bổ phí bảo hiểm, Quyền lợi Bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư dưới đây nhằm giúp Quý khách hiểu được Giá trị Tài khoản Hợp đồng (GTTKHD) thay đổi như thế nào với các lãi suất giả định 8%, 6% và chỉ có tính chất minh họa.
- Các giá trị nêu trong Bảng minh họa được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào đầu Năm hợp đồng. Các giá trị này có thể thay đổi theo định kỳ đóng phí và tùy thuộc kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung.
- Các giá trị nêu trong Bảng minh họa được tính toán theo Điều kiện Bảo hiểm nêu ở trang 2, trong đó S/S là điều kiện chuẩn, còn lại là điều kiện tăng phí bảo hiểm.
- Số lần rút tiền mặt và số tiền rút ra có thể làm thay đổi Mệnh giá Sản phẩm, kế hoạch đóng phí và lãi phát sinh cho GTTKHD.
- Các giá trị trong Bảng minh họa với lãi suất đảm bảo được đảm bảo. Lãi suất đảm bảo là 3%/Năm trong 10 Năm hợp đồng đầu tiên, 2%/Năm từ Năm hợp đồng thứ mười một đến Năm hợp đồng thứ mười lăm và 1,5%/Năm trong những Năm hợp đồng còn lại.
- **Trong 4 Năm hợp đồng đầu tiên, Hợp đồng Bảo hiểm (HDBH) sẽ mất hiệu lực khi Bên mua Bảo hiểm không đóng đủ Phí BH cơ bản vào Ngày đến hạn đóng phí.**
- **HDBH cũng sẽ bị mất hiệu lực khi GTTKHD nhỏ hơn hoặc bằng "0" đồng.**

BẢNG MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ

MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 8%/Năm (Quyền lợi không đảm bảo) Đơn vị tính: nghìn đồng										
Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí BH dự kiến /Năm	Tổng Phí BH lũy kế	Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)	Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ (*)	Quyền lợi Duy trì Hợp đồng & Quyền lợi Tuổi vàng	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	Quyền lợi Tử vong/ TTTBVV	Rút tiền mặt
1	61	35.000	35.000	14.037	2.039	-	13.033	-	100.000	-
2	62	35.000	70.000	26.264	3.587	-	38.707	3.771	200.000	-
3	63	35.000	105.000	31.505	5.301	-	70.300	35.364	300.000	-
4	64	35.000	140.000	33.251	7.267	-	104.254	78.052	400.000	-
5	65	35.000	175.000	33.950	9.594	17.468	156.721	139.253	500.000	-
6	66	35.000	210.000	33.950	9.199	-	196.371	187.637	500.000	-
7	67	35.000	245.000	33.950	9.091	-	239.262	239.262	500.000	-
8	68	35.000	280.000	33.950	8.732	-	285.959	285.959	500.000	-
9	69	35.000	315.000	33.950	8.040	-	337.111	337.111	500.000	-
10	70	35.000	350.000	33.950	6.902	17.468	411.093	411.093	500.000	-
11	71	35.000	385.000	33.950	4.437	-	476.010	476.010	500.000	-
12	72	35.000	420.000	33.950	2.924	-	547.707	547.707	547.707	-
13	73	35.000	455.000	33.950	3.110	-	624.945	624.945	624.945	-
14	74	35.000	490.000	33.950	3.332	-	708.281	708.281	708.281	-
15	75	35.000	525.000	33.950	3.546	17.468	815.379	815.379	815.379	-
20	80	-	525.000	-	4.740	-	1.172.684	1.172.684	1.172.684	-
25	85	-	525.000	-	6.540	-	1.688.835	1.688.835	1.688.835	-
30	90	-	525.000	-	9.576	79.488	2.512.016	2.512.016	2.512.016	-
35	95	-	525.000	-	720	-	3.687.348	3.687.348	3.687.348	-
39	99	-	525.000	-	720	-	5.014.269	5.014.269	5.014.269	-

MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 8%/Năm (Quyền lợi không đảm bảo)
Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí BH dự kiến /Năm	Tổng Phí BH lũy kế	Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)	Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ (*)	Quyền lợi Duy trì Hợp đồng & Quyền lợi Tuổi vàng	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	Quyền lợi Tử vong/ TTTBVV	Rút tiền mặt
--------	-----------	---------------------	--------------------	--	---------------------------------	--	--------------	-----------------	---------------------------	--------------

CHI TIẾT QUYỀN LỢI DUY TRÌ HỢP ĐỒNG VÀ QUYỀN LỢI TUỔI VÀNG:

Tổng Quyền lợi Duy trì Hợp đồng:	52.404.000 đồng
Quyền lợi Tuổi vàng:	79.488.000 đồng

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN:

Tổng số năm đóng phí:	15 năm	Tổng số phí đóng:	525.000.000 đồng
Tổng số lần rút tiền mặt:	-	Tổng số tiền mặt rút ra:	-
Số tiền nhận khi đáo hạn:	5.014.269.000 đồng		

MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 6%/Năm (Quyền lợi không đảm bảo) Đơn vị tính: nghìn đồng										
Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí BH dự kiến /Năm	Tổng Phí BH lũy kế	Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)	Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ (*)	Quyền lợi Duy trì Hợp đồng & Quyền lợi Tuổi vàng	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	Quyền lợi Tử vong/ TTTBVV	Rút tiền mặt
1	61	35.000	35.000	14.037	2.041	-	12.772	-	100.000	-
2	62	35.000	70.000	26.264	3.598	-	37.670	2.734	200.000	-
3	63	35.000	105.000	31.505	5.332	-	67.821	32.885	300.000	-
4	64	35.000	140.000	33.251	7.338	-	99.560	73.358	400.000	-
5	65	35.000	175.000	33.950	9.731	17.468	148.943	131.475	500.000	-
6	66	35.000	210.000	33.950	9.442	-	184.149	175.415	500.000	-
7	67	35.000	245.000	33.950	9.497	-	221.380	221.380	500.000	-
8	68	35.000	280.000	33.950	9.372	-	260.973	260.973	500.000	-
9	69	35.000	315.000	33.950	9.008	-	303.317	303.317	500.000	-
10	70	35.000	350.000	33.950	8.326	17.468	366.429	366.429	500.000	-
11	71	35.000	385.000	33.950	6.497	-	417.691	417.691	500.000	-
12	72	35.000	420.000	33.950	4.639	-	473.945	473.945	500.000	-
13	73	35.000	455.000	33.950	3.110	-	535.158	535.158	535.158	-
14	74	35.000	490.000	33.950	3.332	-	599.911	599.911	599.911	-
15	75	35.000	525.000	33.950	3.546	17.468	685.699	685.699	685.699	-
20	80	-	525.000	-	4.740	-	893.341	893.341	893.341	-
25	85	-	525.000	-	6.540	-	1.162.707	1.162.707	1.162.707	-
30	90	-	525.000	-	9.576	83.342	1.592.146	1.592.146	1.592.146	-
35	95	-	525.000	-	720	-	2.126.800	2.126.800	2.126.800	-
39	99	-	525.000	-	720	-	2.682.212	2.682.212	2.682.212	-

MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 6%/Năm (Quyền lợi không đảm bảo)
Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí BH dự kiến /Năm	Tổng Phí BH lũy kế	Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)	Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ (*)	Quyền lợi Duy trì Hợp đồng & Quyền lợi Tuổi vàng	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	Quyền lợi Tử vong/ TTTBVV	Rút tiền mặt
--------	-----------	---------------------	--------------------	--	---------------------------------	--	--------------	-----------------	---------------------------	--------------

CHI TIẾT QUYỀN LỢI DUY TRÌ HỢP ĐỒNG VÀ QUYỀN LỢI TUỔI VÀNG:

Tổng Quyền lợi Duy trì Hợp đồng:	52.404.000 đồng
Quyền lợi Tuổi vàng:	83.342.000 đồng

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN:

Tổng số năm đóng phí:	15 năm	Tổng số phí đóng:	525.000.000 đồng
Tổng số lần rút tiền mặt:	-	Tổng số tiền mặt rút ra:	-
Số tiền nhận khi đáo hạn:	2.682.212.000 đồng		

MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT ĐẢM BẢO										Đơn vị tính: nghìn đồng
Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí BH dự kiến /Năm	Tổng Phí BH lũy kế	Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)	Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ (*)	Quyền lợi Duy trì Hợp đồng & Quyền lợi Tuổi vàng	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	Quyền lợi Tử vong/ TTTBVV	Rút tiền mặt
1	61	35.000	35.000	14.037	2.044	-	12.381	-	100.000	-
2	62	35.000	70.000	26.264	3.613	-	36.136	1.200	200.000	-
3	63	35.000	105.000	31.505	5.378	-	64.204	29.268	300.000	-
4	64	35.000	140.000	33.251	7.441	-	92.817	66.615	400.000	-
5	65	35.000	175.000	33.950	9.926	17.468	137.951	120.483	500.000	-
6	66	35.000	210.000	33.950	9.783	-	167.130	158.396	500.000	-
7	67	35.000	245.000	33.950	10.057	-	196.892	196.892	500.000	-
8	68	35.000	280.000	33.950	10.241	-	227.360	227.360	500.000	-
9	69	35.000	315.000	33.950	10.300	-	258.681	258.681	500.000	-
10	70	35.000	350.000	33.950	10.192	17.468	308.545	308.545	500.000	-
11	71	35.000	385.000	33.950	9.206	-	340.039	340.039	500.000	-
12	72	35.000	420.000	33.950	8.568	-	372.808	372.808	500.000	-
13	73	35.000	455.000	33.950	7.674	-	407.135	407.135	500.000	-
14	74	35.000	490.000	33.950	6.446	-	443.416	443.416	500.000	-
15	75	35.000	525.000	33.950	6.271	17.468	498.042	498.042	525.000	-
20	80	-	525.000	-	6.516	-	505.861	505.861	525.000	-
25	85	-	525.000	-	9.333	-	503.818	503.818	525.000	-
30	90	-	525.000	-	21.642	121.823	585.777	585.777	585.777	-
35	95	-	525.000	-	720	-	627.334	627.334	627.334	-
39	99	-	525.000	-	720	-	662.887	662.887	662.887	-

MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT ĐẢM BẢO									Đơn vị tính: nghìn đồng	
Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí BH dự kiến /Năm	Tổng Phí BH lũy kế	Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)	Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ (*)	Quyền lợi Duy trì Hợp đồng & Quyền lợi Tuổi vàng	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	Quyền lợi Tử vong/ TTTBVV	Rút tiền mặt

CHI TIẾT QUYỀN LỢI DUY TRÌ HỢP ĐỒNG VÀ QUYỀN LỢI TUỔI VÀNG:

Tổng Quyền lợi Duy trì Hợp đồng:	52.404.000 đồng
Quyền lợi Tuổi vàng:	121.823.000 đồng

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN:

Tổng số năm đóng phí:	15 năm	Tổng số phí đóng:	525.000.000 đồng
Tổng số lần rút tiền mặt:	-	Tổng số tiền mặt rút ra:	-
Số tiền nhận khi đáo hạn:	662.887.000 đồng		

Bằng việc ký tên dưới đây, tôi/chúng tôi xác nhận đã đọc và hiểu toàn bộ nội dung của Tài liệu minh họa này kể cả các lưu ý, cũng như đã được Đại diện Kinh doanh ký tên dưới đây tư vấn.

- ✓ Hiểu rõ tính chất sản phẩm Kế hoạch Tài chính Trọn đời – Quyền lợi Cao niên Toàn diện cũng như đã được giải thích về cơ cấu tính phí bảo hiểm mà Chubb Life áp dụng cho Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Nhận thức rõ Quyền lợi bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư khi tham gia sản phẩm Kế hoạch Tài chính Trọn đời – Quyền lợi Cao niên Toàn diện.
- ✓ Ý thức rằng việc tham gia sản phẩm Kế hoạch Tài chính Trọn đời là một cam kết dài hạn và việc từ bỏ hợp đồng là không có lợi vì các khoản phí Bên mua Bảo hiểm phải trả rất cao trong thời gian đầu.
- ✓ Tài liệu minh họa này chỉ mang tính chất tham khảo, không phải là Hợp đồng Bảo hiểm hay Đề nghị giao kết Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Tài liệu minh họa sẽ không có giá trị nếu không có đủ số trang đã nêu.

Bên mua Bảo hiểm
(Vui lòng ghi họ tên bằng chữ thường)

Chữ ký

Ngày/tháng/năm

Tôi xác nhận chữ ký trên đây được Bên mua Bảo hiểm ghi trong Tài liệu minh họa này ký trước sự chứng kiến của tôi.

ĐDKD tư vấn

Mã số ĐDKD

Chữ ký

Ngày/tháng/năm

(*) **GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ CÁC LOẠI PHÍ LIÊN QUAN**

- Phí BH cơ bản** Phí bảo hiểm tối thiểu mà BMBH phải đóng cho mỗi năm trong 04 Năm hợp đồng đầu tiên.
- Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung** Số tiền đóng vào HDBH sau khi trừ đi Phí ban đầu sẽ được phân bổ vào Giá trị Tài khoản Hợp đồng (GTTKHD) để hưởng lãi.
- Phí ban đầu** Khoản phí được khấu trừ từ Số tiền thực đóng tại thời điểm BMBH đóng phí và được xác định theo tỷ lệ:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5+
% của Phí BH cơ bản	60%	25%	10%	5%	3%
% của Phí BH đóng thêm	3%	3%	3%	3%	3%
- Khoản khấu trừ trong Năm HD** Tổng Phí bảo hiểm rủi ro và Phí Quản lý hợp đồng được khấu trừ hàng tháng trong Năm hợp đồng.

Phí bảo hiểm rủi ro là khoản phí được tính toán dựa trên cơ sở rủi ro của quyền lợi bảo hiểm mà NDBH tham gia. Phí Quản lý hợp đồng là khoản phí để thực hiện các công việc cần thiết cho việc duy trì hiệu lực Hợp đồng Bảo hiểm và cung cấp thông tin liên quan đến Hợp đồng Bảo hiểm. Phí Quản lý hợp đồng là 30.000 đồng một tháng trong năm 2018 và sẽ tự động điều chỉnh vào ngày 01 tháng 01 hàng năm với mức tăng là 2.000 đồng một tháng so với mức cố định của năm liền trước. Việc điều chỉnh tăng này sẽ chấm dứt khi phí cố định tăng đến 60.000 đồng một tháng.
- Phí Quản lý quỹ** Khoản phí dùng để trang trải cho các hoạt động đầu tư và quản lý Quỹ Liên kết chung. Phí Quản lý quỹ là 2%/năm tính trên GTTKHD và có thể thay đổi nếu được Bộ Tài chính chấp thuận.
- Giá trị Hoàn lại** Là số tiền mà BMBH sẽ nhận khi yêu cầu chấm dứt Hợp đồng Bảo hiểm. Giá trị Hoàn lại được xác định là GTTKHD trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng.
- Phí chấm dứt hợp đồng** Được tính bằng tỷ lệ phần trăm của Phí BH cơ bản tại thời điểm yêu cầu chấm dứt và được quy định như sau:

Năm hợp đồng	1 - 3	4	5	6	7+
% của Phí BH cơ bản	100%	75%	50%	25%	0%

GIẢI THÍCH QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Quyền lợi bảo hiểm Bệnh Nan Y: Khi NĐBH mắc Bệnh Nan Y trước khi đạt 90 Tuổi bảo hiểm, Người thụ hưởng sẽ nhận tỷ lệ phần trăm tương ứng Mệnh giá Sản phẩm.

Quyền lợi bảo hiểm Hỗ trợ điều trị Bệnh Nan Y: Bên cạnh Quyền lợi bảo hiểm Bệnh Nan Y, Người thụ hưởng sẽ nhận thêm 02% Mệnh giá Sản phẩm.

Quyền lợi bảo hiểm Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn: Khi NĐBH bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTBVV) trước khi đạt 75 Tuổi bảo hiểm, Người thụ hưởng sẽ nhận giá trị lớn nhất của: (i) Tổng số phí bảo hiểm đã đóng trừ đi số tiền mà Bên mua Bảo hiểm đã rút từ GTTKHĐ (nếu có); hoặc (ii) GTTKHĐ; hoặc (iii) Số tiền bằng Mệnh giá Sản phẩm nhân với tỷ lệ phần trăm tùy theo thời điểm bị TTTBVV, trừ đi Số tiền Bảo hiểm đã chi trả (nếu có).

Quyền lợi bảo hiểm Tử vong: Khi NĐBH tử vong, Người thụ hưởng sẽ nhận giá trị lớn nhất của: (i) Tổng số phí bảo hiểm đã đóng trừ đi số tiền mà Bên mua Bảo hiểm đã rút từ GTTKHĐ (nếu có); hoặc (ii) GTTKHĐ; hoặc (iii) Số tiền bằng Mệnh giá Sản phẩm nhân với tỷ lệ phần trăm tùy theo thời điểm tử vong, trừ đi Số tiền Bảo hiểm đã chi trả (nếu có).

GIẢI THÍCH QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ - QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

Quyền lợi Đáo hạn: Chubb Life sẽ chi trả GTTKHĐ vào Ngày đáo hạn Hợp đồng Bảo hiểm nếu Hợp đồng Bảo hiểm còn hiệu lực vào Ngày đáo hạn.

Quyền lợi Đầu tư: BMBH được hưởng quyền lợi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Quyền lợi này sẽ được đưa vào GTTKHĐ dưới hình thức tính lãi hàng tháng theo mức Lãi suất công bố.

Quyền lợi Duy trì Hợp đồng: Vào Ngày đáo niên của Năm hợp đồng thứ năm và mỗi 05 Năm hợp đồng sau đó, Chubb Life sẽ chi trả Quyền lợi Duy trì Hợp đồng bằng cách cộng vào GTTKHĐ một khoản bằng 50% Phí BH cơ bản được xác định tại Ngày phát hành Hợp đồng Bảo hiểm nếu hợp đồng thỏa điều kiện được quy định trong Bản Quy tắc và Điều khoản của HDBH.

Quyền lợi Tuổi vàng: Vào Ngày đáo niên khi NĐBH 90 tuổi, Chubb Life sẽ chi trả Quyền lợi Tuổi vàng bằng cách cộng vào GTTKHĐ một khoản bằng 50% tổng Phí bảo hiểm rủi ro đã khấu trừ tính từ Ngày hiệu lực Hợp đồng Bảo hiểm nếu hợp đồng thỏa điều kiện được quy định trong Bản Quy tắc và Điều khoản của HDBH.

Rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng: BMBH có thể rút tiền từ GTTKHĐ sau khi HDBH có Giá trị Hoàn lại. Sau khi BMBH rút một phần GTTKHĐ, Mệnh giá Sản phẩm sẽ được điều chỉnh: (i) giảm tương ứng với Số tiền đã rút (nếu GTTKHĐ trước khi rút nhỏ hơn Mệnh giá Sản phẩm) hoặc (ii) bằng với GTTKHĐ sau khi rút (nếu GTTKHĐ trước khi rút lớn hơn Mệnh giá Sản phẩm và GTTKHĐ sau khi rút nhỏ hơn Mệnh giá Sản phẩm). BMBH phải chịu khoản phí khi rút tiền từ GTTKHĐ, được xác định theo Tỷ lệ phần trăm của Phí chấm dứt hợp đồng tương ứng với khoản tiền rút ra.

Chấm dứt Hợp đồng Bảo hiểm: BMBH có quyền yêu cầu chấm dứt Hợp đồng Bảo hiểm để nhận Giá trị Hoàn lại.